

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HS-ST
Ngày 24-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lăng Đức Quang

Bà Nguyễn Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1962 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 002062000849, ngày cấp: 21/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH; con ông Lương Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị C1 (đã chết); có vợ là Bàn Thị H, sinh năm 1978; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/5/1988 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); ngày 23/12/1998 bị UBND tỉnh H ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; ngày 15/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Vũ Văn H1, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1978 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi tạm trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 037078004554, ngày cấp: 25/4/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH;

con ông Vũ Văn H2, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Bàn Thị H, sinh năm 1978; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07/06/2023, Vũ Văn H1, sinh năm 1978, ĐKHKTT tại xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình, hiện đang tạm trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang một mình đi nhờ xe máy của người dân qua đường xuống nhà Lương Văn T, sinh năm 1962, trú tại tổ dân phố T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày H1 đến nơi, sau đó H1 đi thẳng vào nhà T thì nhìn thấy Bàn Thị H, sinh năm 1978 (*vợ của T*) đang đứng ở dưới bếp. H1 tiếp tục đi vào buồng ngủ thứ hai tính từ phòng khách đi vào thì thấy T đang ngồi trên giường, H1 hỏi T "*anh có đồ không để cho tôi ba trăm*" (*ý H1 hỏi T có ma túy không bán cho H1 300.000 đồng*). Thấy H1 hỏi vậy, T đồng ý nên H1 đưa cho T số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) gồm 01 (*một*) tờ tiền có mệnh giá 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) và 01 (*một*) tờ tiền có mệnh giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Nhận tiền của H1 xong, T lấy ở trong túi quần bên trái mình đang mặc 01 (*một*) gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy heroin và đưa cho H1. Sau khi mua ma túy xong, H1 đi ra đến cửa phòng khách của gia đình T thì bị lực lượng công an phát hiện và bắt quả tang.

Sau khi phát hiện hành vi của Vũ Văn H1, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn T và Vũ Văn H1. Tại gia đình nhà T, trước khi khám xét, T đã tự nguyện giao nộp 01 (*một*) gói nilon màu trắng có kéo khóa vuốt viền màu đỏ, bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy heroin; 04 (*bốn*) gói giấy có các màu trắng, xanh, đen bên trong 04 (*bốn*) gói giấy có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy heroin; số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) gồm 01 (*một*) tờ tiền có mệnh giá 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) và 01 (*một*) tờ tiền có mệnh giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Quá trình khám xét nơi ở của T, cơ quan điều tra thu giữ 01 (*một*) cân tiểu ly đĩa cân bằng kim loại, cân cân bằng nhựa màu trắng và 02 (*hai*) mảnh giấy T sử dụng để gói ma túy, ngoài ra không thu giữ thêm tài sản, đồ vật nào khác. Đối với nơi ở của Vũ Văn H1 tại thôn M, xã V, huyện B, quá trình khám xét cơ quan điều tra không thu giữ được đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án.

Ngày 07/06/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp cùng các cơ quan chức năng tiến hành mở niêm phong, cân tịnh và trưng cầu giám định đối với số chất bột màu trắng nghi là ma túy thu giữ khi bắt quả tang của các đối tượng T, H1. Quá trình cân tịnh xác định:

Đối với số tang vật thu giữ của Lương Văn T:

- 01 (một) gói nilon màu trắng, viền miệng túi màu đỏ có kích thước 8cm x 4,9cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 2,007g (hai phẩy không trăm linh bảy gam) - Ký hiệu A1.1

- 01 (một) gói giấy màu trắng, đen có kích thước 1,7cm x 1,5cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 0,103g (không phẩy một trăm linh ba gam) - Ký hiệu A1.2

- 01 (một) gói giấy màu trắng, đen có chữ Việt Nam, có kích thước 1,8cm x 1,7cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 0,117g (không phẩy một trăm mười bảy gam) - Ký hiệu A1.3

- 01 (một) gói giấy màu trắng, xanh có kích thước 1,9cm x 1,4cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 0,094g (không phẩy không trăm chín mươi bốn gam) - Ký hiệu A1.4

- 01 (một) gói giấy màu trắng có chữ có kích thước 1,8cm x 1,6cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 0,134g (không phẩy một trăm ba mươi bốn gam) - Ký hiệu A1.5

Đối với số tang vật thu giữ của Vũ Văn H1: 01 (một) gói giấy màu trắng có chữ màu đen có kích thước 2,5cm x 1,5cm, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và dạng bột nghi là ma túy Heroin có khối lượng 0,192g (không phẩy một trăm chín mươi hai gam) - Ký hiệu A3.

Tổng khối lượng chất bột màu trắng nghi là ma túy heroin thu giữ khi bắt quả tang Vũ Văn H1 và thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Lương Văn T là 2,647g (hai phẩy sáu trăm bốn mươi bảy gam).

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 289, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh H giám định đối với số chất bột màu trắng dạng cục, dạng bột thu giữ khi bắt quả tang Lương Văn T và Vũ Văn H1 có phải là chất ma túy không, loại ma túy gì.

Tại bản Kết luận giám định số 183/KL-KTHS ngày 13/06/2023 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận:

“- 05 (năm) mẫu gửi giám định ký hiệu A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5 đều là ma túy, loại Heroine (heroin), có tổng khối lượng 2,455g (hai phẩy bốn trăm năm mươi lăm gam).

- 01 (một) mẫu gửi giám định ký hiệu A.3 là ma túy, loại heroine (heroin), có khối lượng 0,192g (không phẩy một trăm chín mươi hai gam).

Heroine (heroin) có tên khoa học là D được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 25/08/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Kèm theo kết luận giám định: không

Hoàn trả lại đối tượng giám định: hoàn trả lại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B, tỉnh Hà Giang các mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng cụ thể như sau: mẫu ký hiệu A1.1 có khối lượng 1,908g (một phẩy chín trăm linh tám gam);

mẫu ký hiệu A1.2 có khối lượng 0,086g (không phải không trăm tám mươi sáu gam); mẫu ký hiệu A1.3 có khối lượng là 0,101g (không phải một trăm linh một gam); mẫu ký hiệu A1.4 có khối lượng 0,078g (không phải không trăm bảy mươi tám gam); mẫu ký hiệu A1.5 có khối lượng 0,117g (không phải một trăm mười bảy gam); mẫu ký hiệu A3 có khối lượng 0,173g (không phải một trăm bảy mươi ba gam)".

Ngày 16/06/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, ban hành quyết định trưng cầu giám định số 138, trưng cầu phòng K Công an tỉnh H tiến hành giám định đối với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) thu giữ khi khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Lương Văn T là tiền thật hay giả?

Ngày 20/06/2023, Phòng K Công an tỉnh H ban hành kết luận giám định số 196/KL-KTHS kết luận: "Hai tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật".

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 67/CT-VKSQBQ ngày 02/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Văn H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và phân hóa vai trò của từng bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T. Đề nghị. Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 07/6/2023);

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn H1. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 07/6/2023).

Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn T, Vũ Văn H1 nhất trí với bản cáo trạng, nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người người làm chứng. Tuy nhiên, trước đó họ đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, do vậy căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo Lương Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, lời khai nhận tội của Vũ Văn H1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với: biên bản bắt người phạm tội quả tang (từ bút lục số 01 đến bút lục số 03); biên bản khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn T (từ bút lục số 06 đến bút lục số 07); bản tài liệu xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với các bị cáo (từ bút lục số 13 đến bút lục số 16), biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ khi bắt quả tang (bút lục số 04), biên bản làm việc cân tịnh vật chứng (từ bút lục số 105 đến bút lục số 116); Kết luận giám định ma túy (từ bút lục số 121 đến bút lục số 122), Kết luận giám định tiền (bút lục số 131), sơ đồ hiện trường nơi thực hiện hành vi phạm tội do các bị cáo tự vẽ (từ bút lục số 137 đến bút lục số 138), tài liệu hiện trường (từ bút lục số 139 đến bút lục số 147), biên bản làm việc với các bị cáo (từ bút lục số 148 đến bút lục số 149), lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2023, Lương Văn T có hành vi bán trái phép 0,192g (*không thấy một trăm chín mươi hai gam*) ma túy Heroin cho Vũ Văn H1 với giá 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Căn cứ lời khai của H1, cơ quan CSĐT Công an huyện B tiến hành khám xét nơi ở của T thu giữ được 2,455g (*không thấy bốn trăm năm mươi lăm gam*) ma túy heroin. Tổng khối lượng ma túy T tàng trữ là 2,647g (*hai thấy sáu trăm bốn mươi bảy gam*) với mục đích chia thành các gói nhỏ khác nhau để sử dụng và bán cho ai có nhu cầu để kiếm lời (quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được T tàng trữ khối lượng ma túy bao nhiêu để sử dụng và bao nhiêu để bán), theo hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì: Trường hợp bắt được đối tượng mua bán trái phép ma túy, sau đó đối tượng tiếp tục khai còn tàng trữ ma túy trái phép chất ma túy ở nhà để mua bán thì cộng tổng khối lượng ma túy để xử lý về tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định của Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo T bị xử lý về tội mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng ma túy là 2,647g. Trong đó ngày 07/06/2023, T đã bán cho H1 0,192g (*không thấy một trăm chín mươi hai gam*) với giá 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Đối với Vũ Văn H1 mua 0,192g (*không thấy một trăm chín mươi hai gam*) của T với mục đích về để sử dụng.

[4] Với hành vi nêu trên, bị cáo Lương Văn T đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Vũ Văn H1 phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi "*Mua bán trái phép chất ma túy*" của bị cáo Lương Văn T và hành vi "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" của bị cáo Vũ Văn H1 thể hiện đó là các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện, các bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng. Căn cứ vào kết quả cân tịnh và kết luận giám định đã xác định tổng khối lượng Heroine bị cáo Lương Văn T đã mua bán trái phép là 2,647 gam, bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi mua bán các chất ma túy nhưng vì vụ lợi cá nhân nên vẫn thực hiện hành vi đó, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù; bị cáo Vũ Văn H1 mua 0,192 gam Heroine của T với mục đích về để sử dụng, bị cáo không chịu lao động làm ăn chân chính mà lại nghiện chất ma túy thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hại rất lớn cho xã hội, hành vi của bị cáo H1 đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" với 01 tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[6] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố đối với các bị cáo về các tội danh và điều luật như đã phân tích ở trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà còn gây mất trật tự trị an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tệ nạn về ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của con người, mà còn là điều kiện làm nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Các bị cáo không tự rèn luyện bản thân, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả, bất chấp pháp luật để phạm tội. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo T có người thân có công với đất nước nên có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; bị cáo T có nhân thân xấu. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của

các bị cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo mình cho tốt.

[10] Về hình phạt đối với các bị cáo: Nhận thấy Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là độc lập, bị cáo Lương Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Văn H1 đã thực hiện hành vi phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát huyện B đề nghị đối với các bị cáo trong vụ án là phù hợp, cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo giáo dục để trở thành một người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo đang bị tạm giam: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam các bị cáo Lương Văn T, Vũ Văn H1 để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với các bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[13] Về xử lý vật chứng: Trên cơ sở số vật chứng đã thu giữ trong vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử lý như sau:

[14] Tịch thu tiêu hủy những vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội và không liên quan đến hành vi phạm tội là vật cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng gồm: Các mẫu vật ký hiệu A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A3 đựng trong mootjphong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A3*", mặt sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh H và các chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 01 phong bì màu trắng, viền màu xanh, đỏ niêm phong kín mặt trước phong bì ghi "*Toàn bộ vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ*" mặt sau có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện B và các chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia; 01 tờ giấy bạc; 01 tờ giấy màu trắng có chữ Việt nam màu đen.

[15] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 phong bì màu trắng có viền xanh, đỏ, mặt trước ghi dòng chữ "*Tiền vật chứng thu giữ của Lương văn Tuấn ký hiệu A2*", mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện B được gửi tại kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Hà Giang.

[16] Trả lại vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội cho chủ sở hữu gồm: Trả lại cho Lương Văn T 01 cân tiểu ly, đĩa cân bằng kim loại, cán cân bằng nhựa màu trắng (bị cáo T sử dụng cân này vào mục đích khác, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo).

[17] Về nguồn gốc số ma túy bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Lương Văn T và số ma túy T bán cho Vũ Văn H1,

quá trình điều tra T khai nhận: khối lượng 2,647 (*hai phẩy sáu trăm bốn mươi bảy gam*) T mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực đầu cầu V thuộc thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang với giá 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) với mục đích về sử dụng và bán cho ai có nhu cầu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành xác minh tại thị trấn V, huyện B nhưng không xác định được người bán ma túy cho T như mô tả nên đã tách các tài liệu liên quan để làm rõ, xử lý sau. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[18] Quá trình điều tra, ngày 07/06/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành lập biên bản xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu đối với Lương Văn T và Vũ Văn H1. Kết quả kiểm tra tại thời điểm kiểm tra T và H1 dương tính với ma túy H3. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được, ngày 17/07/2023, Công an huyện B đã ra các Quyết định xử phạt hành chính đối với T và H1 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ bằng hình thức phạt cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lương Văn T;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Văn H1;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tổ tụng Hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; bị cáo Vũ Văn H1 phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T 03 (*Ba*) năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 07/6/2023).

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 02 (*Hai*) năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 07/6/2023).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lương Văn T, Vũ Văn H1 để bảo đảm việc thi hành án, thời hạn tạm giam đối với các bị cáo là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Các mẫu vật ký hiệu A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A3 đựng trong mootjphong bì màu trắng, niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi "*Mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu A1.1, A1.2, A1.3, A1.4, A1.5, A3*", mặt sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh H và các chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong; 01 phong bì màu trắng, viền màu xanh, đỏ niêm phong kín mặt trước phong bì ghi "*Toàn bộ vỏ bao gói và phong bì niêm phong cũ*" mặt sau có 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện B và các chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia; 01 tờ giấy bạc; 01 tờ giấy màu trắng có chữ Việt nam màu đen.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 phong bì màu trắng có viền xanh, đỏ, mặt trước ghi dòng chữ "*Tiền vật chứng thu giữ của Lương Văn Tuấn ký hiệu A2*", mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia và 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện B được gửi tại kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Trả lại cho Lương Văn T 01 cân tiểu ly, đĩa cân bằng kim loại, cán cân bằng nhựa màu trắng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 09/11/2023).

4. Về án Phí: Các bị cáo Lương Văn T, Vũ Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Nhà tạm giữ Công an huyện BQ;
- UBND TT Vĩnh Tuy;
- UBND xã Việt Vinh;
- UBND xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

